

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 29/2017/HNGĐ-ST.

NHÂN DANH

Ngày : 14/04/2017 **NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
“ V/v Tranh chấp ly hôn ”

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông **Phan Chí Cường**;

Các Hội thẩm nhân dân :

1/ Ông **Trần Kim Vinh**;

2/ Bà **Nguyễn Thị Kim Loan**;

- Thư ký phiên tòa : Bà **Huỳnh Thị Huyền Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (không thuộc trường hợp tham dự phiên tòa)

Trong ngày 14 tháng 04 năm 2017. Tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 75/2016/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2016, về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 314/2017/QĐXX-ST, ngày 13 tháng 03 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số : 610/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 28 tháng 03 năm 2017, giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Anh **Lê Văn D**, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ 10, ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

2. Bị đơn : Chị **Trần Ngọc V**, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tổ 10, ấp Mỹ Lợi, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn xin ly hôn, bản khai đề ngày 16/12/2016 và các lời khai có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Lê Văn D trình bày: vào năm 1997 Anh và chị Trần Ngọc V quen biết nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lê Hoàng D, sinh năm 1998, vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ ai. Lý do ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, tình cảm không còn, không thể hàn gắn được, hiện tại vợ chồng đã ly thân. Nay, anh D yêu cầu Tòa án giải quyết cho Anh được ly hôn chị V; về con chung đã trưởng thành nên không yêu

cầu giải quyết, về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, không có yêu cầu nào khác. Tại lời khai hòa giải ngày 19/01/2017 bị đơn chị Trần Ngọc V trình bày : Chị thống nhất với lời trình bày của anh D về hôn nhân, về con, về tài sản và nợ. Nay, Chị không đồng ý ly hôn anh D vì giữa Chị và anh D không có mâu thuẫn gì mà do anh D đi làm có quen người phụ nữ khác, về tài sản và nợ chung không có không yêu cầu giải quyết, về con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Ngoài ra, Chị không có yêu cầu nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

[1] Về tố tụng : Xét bị đơn chị Trần Ngọc V được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham dự phiên tòa nhưng chị V vẫn vắng mặt và không có lý do chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị V là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân : Anh D và chị V quen biết nhau sau đó quyết định lấy nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên quan hệ hôn nhân của Anh Chị không được xem là hợp pháp và pháp luật không công nhận anh D và chị V là vợ chồng. Xét việc chị V không đồng ý ly hôn và yêu cầu được đoàn tụ nhưng Chị và anh D không ra cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kết hôn và Chị cũng thừa nhận là vợ chồng đã ly thân nhau không còn chung sống quan tâm chăm sóc lẫn nhau và anh D không đồng ý đoàn tụ nên yêu cầu của Chị là chưa có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con chung : Có 01 con chung là Lê Hoàng D, sinh năm 1998 hiện đã trưởng thành. Anh D và chị V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung : Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung : Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí : Anh D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số : 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân : Tuyên bố không công nhận anh Lê Văn D và chị Trần Ngọc V là vợ chồng.

2. Về con chung : 01 con chung tên Lê Hoàng D, sinh năm 1998 hiện đã trưởng thành. Anh D và chị V không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung : Anh D và chị V không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung : Anh D và chị V không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm : Anh D phải nộp án phí hôn nhân là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) , được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí số 0008458, ngày 20/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Chị V không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi thường trú.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Nơi nhận :

-TAT.VL;
-VKSTX.BM;
-THADS.TX.BM;
-UBND xã Mỹ Hòa;
-Đương sự;
-Lưu.

Phan Chí Cường